TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-06-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ký.

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn P - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn P tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005. Nhưng đến ngày 10/7/2012, anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cũng như sự đồng cảm và chia sẻ thực sự. Hiện tại, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 28/12/2008. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu Đ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh P phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ; thời gian cấp dưỡng kể từ khi Toà án giải quyết vụ án, cho đến khi cháu Đ thành niên.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Hoàng Văn P: Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P đều không có mặt.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Th, xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (nơi anh P, chị T cư trú):

- Về tình trạng cư trú: Anh Hoàng Văn P và chị Trần Thị T cùng đăng ký thường trú và cư trú tại thôn Th, xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Về hôn nhân: Anh P và chị T tự nguyện kết hôn với và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh chị không đề nghị thôn tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không can thiệp được.

- Về điều kiện nuôi con: Anh P và chị T có 01 con chung là cháu Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 28/12/2008. Hiện nay, cháu Đ đang ở cùng với anh chị tại thôn Th, xã T, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; Điều kiện sinh sống, học tập của cháu ổn định, bình thường, không bị ai hành hạ, ngược đãi gì. Anh P và chị T đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và đều có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, bảo đảm việc nuôi con.

Nguyện vọng của cháu Hoàng Tiến Đ: Khi chị T và anh P ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị với anh P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 227 và 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt là vi phạm các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh P;

- Về con chung: Giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi;

- Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), anh P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và cùng cư trú tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

1.2] Anh Hoàng Văn P là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005, đến năm 2012 anh chị đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng anh chị sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai nên chị yêu cầu được ly hôn anh P. Lời khai của chị T phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại thôn Th, xã T, huyện Hà Trung về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh P không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T để Tòa án tiến hành hòa giải; chị T cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều đó thể hiện việc cả hai anh chị đều không có thiện chí hợp tác giải quyết thuẫn vợ chồng. Đời sống chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh P và chị T trên thực tế đã không còn.

[2.3] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị T, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của chị T; Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của chị T và anh P; Căn cứ vào việc không chấp hành pháp luật tố tụng và thái độ không hợp tác giải quyết vụ án của anh P; Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống. Việc yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị T được ly hôn anh P.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 28/12/2008. Xét nguyện vọng của chị T về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của người mẹ dành cho con cái. Ngược lại, quá trình giải quyết vụ án, anh P không chấp hành theo giấy triệu tập, cũng như thông báo của Tòa án để đến trình bày quan điểm, ý kiến của anh về các vấn đề của vụ án nói chung và vấn đề nuôi con khi ly hôn nói riêng.

[3.2] Căn cứ vào điều kiện nuôi con của đương sự, việc giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ, đồng thời cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, thu nhập của lao động phổ thông ở thời điểm hiện tại và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023, cho đến khi cháu Đ thành niên.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy được ly hôn anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Công nhận cháu Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 28/12/2008 là con chung của chị Trần Thị Thúy và anh Hoàng Văn P. Giao cháu Đ cho chị Thúy trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai

triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023, cho đến khi Đ thành niên. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Thúy đã nộp theo biên lai thu số 0004401 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Chị Thúy đã nộp đủ án phí.

Anh Hoàng Văn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Hà Trung;
- UBND xã Hà Tân, H.Hà Trung g;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh